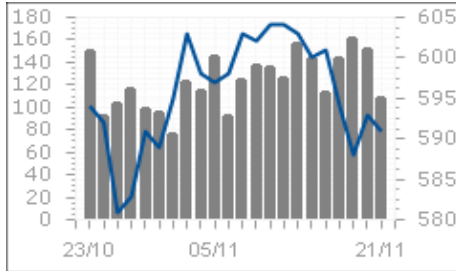


HOSE 21/11/2014

VNINDEX	588.03	-5.29	-0.89%
KLGD	160,143,220	CP	
GTGD	2,662.10	Tỷ	
GTR NDTNN	-	5.96	Tỷ
CP Tăng giá	54	CP	
CP Giảm giá	179	CP	
CP Đứng giá	71	CP	

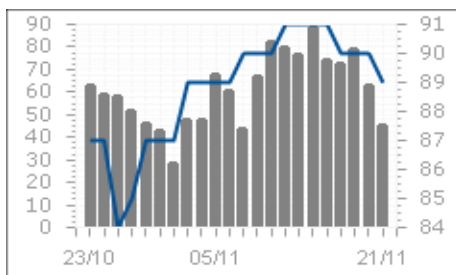


Tâm điểm

- ▶ **Chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh nhưng thanh khoản vẫn duy trì ở mức cao**
- ▶ **VN-Index vẫn đang ở nhịp tích lũy và đi ngang trong vùng 585 - 600 điểm.**
 NĐT Nước ngoài lại tiếp tục bán ròng trên HOSE và mua ròng trên HNX
- ▶ **Sau 11 tháng, CPI Hà Nội mới tăng 1.79%**
 Cục Thống kê Hà Nội công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Tháng 11/2014 Stox
- ▶ **NHNN giảm hệ số rủi ro cho vay BĐS và Chứng khoán**
 Theo Thông tư 36/2014 được Ngân hàng Nhà nước ký ban hành 20.11 NDH
- ▶ **Lạm phát tăng, kinh tế Mỹ vẫn cải thiện trên diện rộng**
 Các số liệu ngày 20/11 cho thấy kinh tế Mỹ đang mạnh lên DVO/Reuters
- ▶ **VHC thu về 62,8 tỷ đồng nhờ bán cổ phiếu quỹ**
 Giao dịch đã được thực hiện từ ngày 28/10 đến 11/11/2014. DVO/VHC
- ▶ **Vì sao lợi nhuận hợp nhất VCS giảm mạnh?**
 Nguyên nhân chính là do hạch toán khoản lỗ do thanh lý khoản đầu tư Stockbiz

HNX 21/11/2014

HNXINDEX	89.14	-1.29	-1.43%
KLGD	70,165,380	CP	
GTGD	1,053.01	Tỷ	
GTR NDTNN	-	3.29	Tỷ
CP Tăng giá	63	CP	
CP Giảm giá	144	CP	
CP Đứng giá	172	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,066,715	14.5	3.0	18.8%	10.1%
HNX	149,430	14.4	1.9	9.1%	4.4%
Toàn bộ thị trường	1,216,145	14.9	3.0	18.8%	9.7%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,110	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,245	9.6	1.6	17.0%	10.5%
Khai khoáng	39,053	13.4	2.0	22.4%	10.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,682	91.1	6.1	-3.9%	-3.3%
Xây dựng	25,807	14.1	1.5	13.6%	7.4%
Máy công nghiệp	33,290	32.2	1.3	-0.6%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,666	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	11,389	9.0	1.6	18.4%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,942	11.5	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,227	11.2	2.0	21.7%	7.3%
Dược phẩm	190,147	24.2	4.6	18.9%	14.6%
Phần mềm	15,811	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,155	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,032	10.0	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	200,074	16.4	5.3	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	25,858	20.6	2.2	10.4%	2.2%
Ngân hàng	29,490	12.6	1.7	11.2%	7.8%
Bất động sản	236,779	11.2	1.2	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	172,556	16.9	2.8	18.8%	4.8%
	48,333	10.9	2.3	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	623.74	-5.06	-0.80%
HNX30	180.65	-2.40	-1.31%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Sau 11 tháng, CPI Hà Nội mới tăng 1.79%

NHNN giảm hệ số rủi ro cho vay BĐS và Chứng khoán

Lạm phát tăng, kinh tế Mỹ vẫn cải thiện trên diện rộng

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

VHC thu về 62,8 tỷ đồng nhờ bán cổ phiếu quỹ

Vi sao lợi nhuận hợp nhất VCS giảm mạnh?

Agriseco dự kiến hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 60 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Cục Thống kê Hà Nội vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2014 đã giảm 0.3% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 2.14% so với cùng tháng trước. Tính từ đầu năm, CPI của TP. Hà Nội đã tăng 1.79%, mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Loại bỏ yếu tố tăng giá do quyết định hành chính vào tháng 9, CPI của Hà Nội đang có xu hướng giảm dần từ mức đỉnh 0.19% vào tháng 8. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống, giá xăng liên tục giảm. Chỉ số giá nhà, vật liệu xây dựng cũng tiếp tục hạ, các mặt hàng khác chỉ số giao động nhẹ.

Với Thông tư 36/2014 vừa được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ký ban hành hôm 20.11, hệ số cho vay bất động sản và chứng khoán đã giảm từ 250% xuống còn 150%. Đây sẽ là yếu tố kích thích các ngân hàng thương mại tính toán, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cho hai lĩnh vực này. Thông tư 36 cũng quy định Ngân hàng không được cho vay quá 5% VDL. Tuy nhiên, đại diện NHNN cũng cho rằng những quy định mới không ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường chứng khoán bởi căn cứ theo số liệu lịch sử cũng như thời điểm ban hành, tỷ lệ vốn của các TCTD dành cho đầu tư, kinh doanh chứng khoán chỉ 4% vốn điều lệ. Do đó, mức 5% được quy định là hợp lý. Có thể nói về dài hạn Thông tư 36/2014 đã tạo điều kiện để các NHTM mở rộng cho vay vào hai lĩnh vực là bất động sản và chứng khoán.

Các số liệu ngày 20/11 cho thấy kinh tế Mỹ đang mạnh lên tốt, với doanh số bán nhà tháng 10 tăng nhanh nhất kể từ một năm nay và sản xuất của các nhà máy trong tháng 11 đạt mức cao nhất kể từ tháng 12/1993. Bộ Lao Động Mỹ cho biết chỉ số tiêu dùng (CPI) cơ bản, ngoại trừ giá thực phẩm và năng lượng, đã tăng 0,2% trong tháng 10, mức tăng mạnh nhất trong 5 tháng, sau khi tăng 0,1% trong tháng 9. Lạm phát cơ bản của Mỹ đã tăng lên trong tháng 10 bất chấp việc giá xăng giảm, làm gia tăng khả năng Cục Dự trữ Liên bang (FED) sẽ tăng lãi suất vào giữa năm tới.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Vĩnh Hoàn (mã VHC-HOSE) cho biết đã bán thành công toàn bộ số cổ phiếu mà VHC đã đăng ký trước đó. Giao dịch đã được thực hiện thành công từ ngày 28/10 đến 11/11/2014 theo phương thức thỏa thuận/ khớp lệnh. Bình quân giá giao dịch số cổ phiếu quỹ trên đạt 52.400 đồng/ cổ phiếu. Trước khi thực hiện giao dịch, VHC nắm giữ xấp xỉ 1,2 triệu cổ phiếu quỹ. Công ty này đã đăng ký bán lần thứ 2 toàn bộ số cổ phiếu quỹ trên. Từ 10/9/2014 đến ngày 9/10/2014, VHC đã đăng ký bán những do giá chưa đạt kỳ vọng và thanh khoản thấp nên không thực hiện được. Công ty cho biết giá giao dịch bình quân số cổ phiếu trên khoảng 52.400 đồng/ cổ phiếu. Tổng số tiền VHC ước tính thu được là 62,8 tỷ đồng.

Trong báo cáo giải trình kết quả hợp nhất quý III gửi Sở GDCK Hà Nội và UBCK, Vicostone (HNX: Mã VCS) đưa ra nhiều lý do giải thích cho sự sụt giảm lợi nhuận trên, trong đó, nguyên nhân chính là do hạch toán khoản lỗ do thanh lý khoản đầu tư vào CTCP Style Stone. Cụ thể, quý III, Vicostone thanh lý khoản đầu tư vào CTCP Style Stone số tiền là 240 tỷ đồng. Vì kết quả kinh doanh của Style Stone được phản ánh trong kết quả kinh doanh hợp nhất của Vicostone đến thời điểm bị thoái vốn, đồng thời đã ghi tăng giá trị tài sản thuần của chính Style Stone, khi kết quả kinh doanh của Style Stone càng cao thì càng làm tăng khoản lỗ khi thanh lý. Ngoại trừ sự kiện trên, theo lãnh đạo VCS, hoạt động của Công ty nhìn chung tốt hơn nhiều so với năm ngoái. Hiện doanh nghiệp đang thực hiện tái cấu trúc lại các mặt hoạt động nhằm đạt hiệu quả tối ưu hơn.

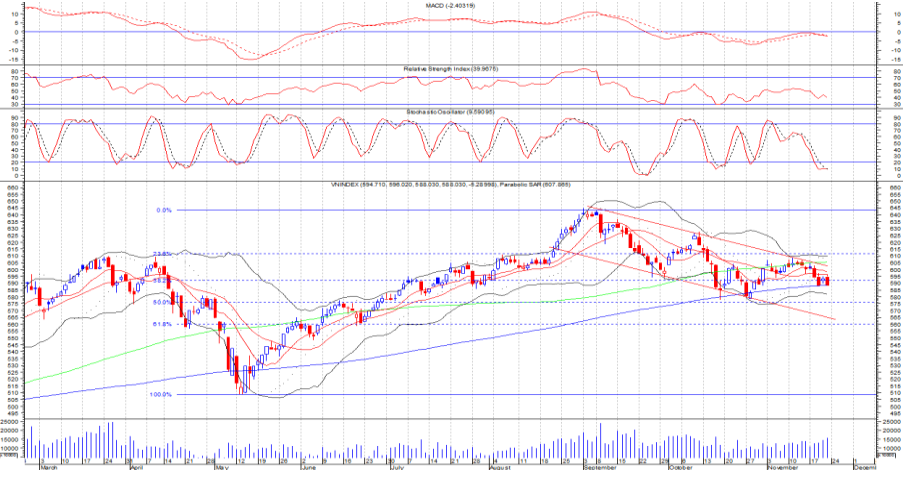
Tại ĐHCĐ tháng 11/2014 của CTCP CK Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (HNX: Mã AGR). Ông Nguyễn Kim Hậu, Tổng giám đốc Agriseco cho biết, 10 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 35,5 tỷ đồng, bằng 59% kế hoạch. Năm 2014, Công ty đặt kế hoạch doanh thu 142 tỷ đồng và lợi nhuận 60 tỷ đồng. Trong 2 tháng cuối năm, Công ty sẽ thu hồi một số khoản nợ và hoàn nhập dự phòng các khoản đã trích lập, nên dự kiến sẽ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.

HOSE 21/11/2014 VNINDEX 588.03 -5.29 -0.89% 160,143,220 CP 2,662.10 bil VND

Chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh nhưng thanh khoản vẫn duy trì ở mức cao

VN-Index tăng 4.97 điểm (+0.84%), đóng cửa tại mức 593.32 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến ngắn, VN-Index hồi phục trở lại sau khi chạm đường MA200.

- MACD sau khi cho tín hiệu bán ra tiếp tục sụt giảm.
- Stochastic Oscillator dừng đà giảm và sắp cho tín hiệu mua trở lại.
- RSI (14) tăng trở lại và đạt mức 44..
- VN-Index một lần nữa hồi phục ở ngưỡng MA200. Tuy nhiên chưa thể khẳng định được đà tăng trở lại của chỉ số này.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.3 (-2.3%)	33,160,800
VHG	-1.2 (-6.9%)	12,491,300
PVT	0.2 (1.1%)	6,148,490
ITA	-0.2 (-2.2%)	5,641,940
OGC	-0.1 (-1.1%)	5,082,290

HOSE Top 5 theo % tăng

HVX	0.4 (6.8%)	20
SPM	1.9 (6.7%)	20,550
CCI	0.9 (6.6%)	1,700
PDN	2.3 (6.6%)	30
SBC	1.4 (6.5%)	26,390

HOSE Top 5 theo % giảm

DCL	-3.6 (-6.9%)	284,880
VHG	-1.2 (-6.9%)	12,491,300
SRC	-3 (-6.8%)	319,230
PPI	-1.1 (-6.7%)	900,480
NLG	-1.2 (-6.7%)	68,230

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VCB	10,5 tỷ	382,140
STB	7,5 tỷ	393,450
VIC	6,4 tỷ	134,330
MSN	5,1 tỷ	62,720
KBC	4,5 tỷ	267,200

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

KDC	-41,7 tỷ	782,600
GAS	-14,3 tỷ	141,760
PVD	-12,1 tỷ	139,170
EIB	-6,4 tỷ	564,580
DLG	-6,1 tỷ	500,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,207,200 -	5.96

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sắc xanh chỉ duy trì được những phút đầu ở phiên sáng trước khi yếu dần khi lực cung liên tục gia tăng, đà giảm lan rộng và VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 157 triệu. Lực cung khá mạnh tuy nhiên lực cầu ở vùng giá thấp vẫn rất lớn, đây phần nào là dấu hiệu tích cực của thị trường.
- ▶ Khối ngoại giảm lượng bán ròng với giá trị 5 tỷ. Khối ngoại vẫn chưa ngừng đà bán ròng, do vậy rủi ro mất điểm của VN-Index vẫn còn.
- ▶ VN-Index vẫn đang ở nhịp tích lũy và đi ngang trong vùng 585 - 600 điểm. Nhiều khả năng đà tích lũy sẽ tiếp tục duy trì thêm một thời gian nữa.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Việc dùng đòn bẩy vẫn chưa nên sử dụng bởi rủi ro lớn sẽ xảy ra nếu VN-Index phá vỡ MA200.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	99.5	188,552.50	16.8	5.5	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	101.0	101,011.98	17.4	5.6	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.5	73,288.06	15.8	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.0	69,818.64	18.0	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	82.0	60,336.27	- 465.7	4.1	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.3	53,244.69	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.0	36,545.63	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	55.5	26,745.90	8.6	2.4	30.2%	14.7%
PVD	303.0	87.0	26,364.21	11.4	2.5	22.6%	10.8%
BVH	680.5	37.8	25,721.82	20.6	2.2	10.4%	2.2%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

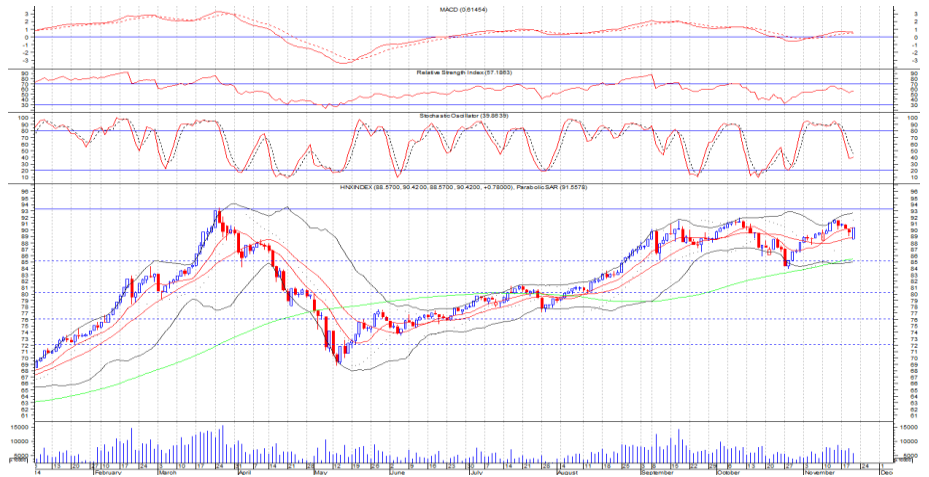
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.6	779.10	13.3	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	16.0	854.34	24.5	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.1	2,206.57	7.0	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	22.0	607.42	2.0	1.0	NA	TH.DOI

HNX 21/11/2014 HNX-Index 89.14 -1.29 -1.43% 70,165,380 CP 1,053.01 bil. VND

Chỉ số 2 sàn mất điểm mạnh nhưng thanh khoản vẫn duy trì ở mức cao

Chỉ số HNX-Index giảm 1.29 điểm (-1.43%), đóng cửa tại mốc 89.14 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, HNX-Index lại sụt giảm mạnh trở lại sau 1 phiên hồi phục và gần như lấy hết thành quả của phiên tăng điểm hôm qua.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đã giảm và đi ngang.
- MACD sắp cho tín hiệu bán ra. Nếu chỉ báo này cho tín hiệu bán ra thì đây là 1 dấu hiệu khá tiêu cực.
- RSI (14) lùi về mốc 49.
- HNX-Index đang được hỗ trợ mạnh của MA20



HNX Top 5 theo KLGD		
KLF	-0.3 (-2.0%)	18,997,610
FIT	-0.3 (-1.0%)	4,106,260
SHB	0.2 (2.3%)	3,901,070
PVX	-0.1 (-1.6%)	3,700,460
AAA	0.3 (1.9%)	3,252,370

HNX Top 5 theo % tăng		
L44	0.7 (10.0%)	237,620
BKC	1 (9.9%)	1,200
VTV	2.2 (9.9%)	393,780
BLF	0.8 (9.5%)	180,300
VTC	0.5 (9.4%)	15,340

HNX Top 5 theo % giảm		
NHC	-2.8 (-10.0%)	100
TV3	-2.2 (-10.0%)	2,300
TV2	-3.1 (-9.8%)	3,400
AMC	-2.4 (-9.8%)	700
VCM	-1.5 (-9.7%)	300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN		
SHB	7,6 tỷ	862,400
SHS	3,3 tỷ	269,600
VND	2,1 tỷ	151,300
BVS	2,0 tỷ	136,300
PVC	1,6 tỷ	47,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN		
PVS	-15,0 tỷ	384,500
SD9	-0,5 tỷ	35,000
KSK	-0,4 tỷ	59,900
TIG	-0,2 tỷ	15,000
HNM	-0,2 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,147,600	3.29

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sắc xanh chỉ duy trì được những phút đầu ở phiên sáng trước khi yếu dần khi lực cung liên tục gia tăng, đà giảm lan rộng và HNX-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 69 triệu. Lực cung khá mạnh tuy nhiên lực cầu ở vùng giá thấp vẫn rất lớn, đây phần nào là dấu hiệu tích cực của thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ với giá trị 3 tỷ. Đà bán ròng của khối này vẫn còn, do vậy rủi ro đối với chỉ số HNX-Index vẫn hiện hữu.
- ▶ Chúng tôi vẫn tiếp tục bảo lưu quan điểm tích lũy ở chỉ số 2 sàn. Việc dòng tiền phân hóa và nhiều mã cơ bản tốt phá đỉnh vẫn sẽ diễn ra ở giai đoạn tới.
- ▶ NĐT có thể gia tăng trạng thái tích lũy cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt. Việc dùng đòn bẩy vẫn chưa nên sử dụng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	38.7	17,287.31	10.7	2.0	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	26.3	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.9	7,886.14	9.5	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	13.1	5,786.41	8.8	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.1	4,075.36	13.4	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.5	2,845.13	7.4	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	20.6	2,700.16	8.8	1.1	12.8%	5.4%
PVX	400.0	6.2	2,480.00	- 2.8	2.7	-111.9%	-6.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.4	1,345.20	8.5	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.3	645.48	6.0	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.4	2,076.98	11.2	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.5	2,845.13	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	34.0	1,700.00	8.9	2.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	15.22%	82.0	- 465.65	4.13	153,314	157,249	198,651
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	12.53%	48.0	18.00	3.80	1,189,513	1,145,245	2,061,612
PVD	HOSE	303.0	26,364.21	11.71%	87.0	11.38	2.46	383,975	340,410	554,137
HPG	HOSE	481.9	26,745.90	11.57%	55.5	8.62	2.37	425,466	413,290	699,363
HAG	HOSE	789.9	19,194.55	7.45%	24.3	10.37	1.34	3,488,195	3,326,993	3,823,782
KDC	HOSE	255.2	13,268.38	7.00%	52.0	22.62	2.07	1,602,134	1,222,702	944,135
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	5.69%	19.0	8.91	1.23	224,156	272,886	412,300
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	5.16%	27.5	15.77	1.68	177,222	234,130	415,159
DPM	HOSE	379.9	11,132.07	4.04%	29.3	9.33	1.21	331,711	384,786	891,977
KBC	HOSE	389.8	6,509.00	2.83%	16.7	16.00	1.29	5,519,552	5,401,955	5,037,420
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	2.64%	8.8	52.99	0.82	6,638,867	5,438,034	7,546,939
HSG	HOSE	96.3	4,680.82	1.95%	48.6	11.48	1.98	173,527	194,531	339,634
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	1.83%	37.8	20.57	2.16	191,587	209,567	254,089
HVG	HOSE	132.0	4,105.19	1.55%	31.1	14.40	1.74	1,437,855	1,519,380	1,931,841
FLC	HOSE	314.9	4,030.64	1.53%	12.8	7.69	1.09	24,411,243	16,372,999	16,297,137
PPC	HOSE	318.2	7,953.87	1.47%	25.0	11.06	1.50	174,883	248,151	558,246
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.41%	60.0	14.54	3.51	59,834	58,877	152,850
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.37%	17.9	15.33	1.48	1,764,552	1,763,349	2,223,494
CSM	HOSE	67.3	3,014.68	1.32%	44.8	8.64	2.37	82,338	97,230	222,756
VSH	HOSE	206.2	2,969.87	1.16%	14.4	20.56	1.11	482,708	481,898	639,123
OGC	HOSE	300.0	2,730.00	0.56%	9.1	33.96	0.87	6,100,366	6,427,167	5,277,732

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	8.46%	82.0	- 465.65	4.13	153,314	157,249	198,651
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	7.72%	48.0	18.00	3.80	1,189,513	1,145,245	2,061,612
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	7.14%	27.5	15.77	1.68	177,222	234,130	415,159
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	6.63%	19.0	8.91	1.23	224,156	272,886	412,300
PVS	HNX	446.7	17,287.31	5.62%	38.7	10.66	2.03	1,339,272	1,688,087	3,378,793
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	4.52%	37.8	20.57	2.16	191,587	209,567	254,089
DPM	HOSE	379.9	11,132.07	4.24%	29.3	9.33	1.21	331,711	384,786	891,977
HAG	HOSE	789.9	19,194.55	4.00%	24.3	10.37	1.34	3,488,195	3,326,993	3,823,782
PVD	HOSE	303.0	26,364.21	3.86%	87.0	11.38	2.46	383,975	340,410	554,137
PPC	HOSE	318.2	7,953.87	3.10%	25.0	11.06	1.50	174,883	248,151	558,246
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.19%	8.8	52.99	0.82	6,638,867	5,438,034	7,546,939
FLC	HOSE	314.9	4,030.64	2.90%	12.8	7.69	1.09	24,411,243	16,372,999	16,297,137
SHB	HNX	886.1	7,886.14	2.59%	8.9	9.53	0.75	2,204,039	2,519,420	4,726,777
VCG	HNX	441.7	5,786.41	2.08%	13.1	8.76	1.03	1,343,395	1,287,684	1,542,435
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.76%	17.9	15.33	1.48	1,764,552	1,763,349	2,223,494
OGC	HOSE	300.0	2,730.00	1.50%	9.1	33.96	0.87	6,100,366	6,427,167	5,277,732
DRC	HOSE	83.1	4,984.43	1.02%	60.0	14.54	3.51	59,834	58,877	152,850
IJC	HOSE	274.2	3,619.37	0.64%	13.2	21.68	1.27	504,803	614,314	1,298,459
PVX	HNX	400.0	2,480.00	0.00%	6.2	- 2.75	2.73	6,019,041	5,681,564	8,939,409

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	0.00%	48.0	18.00	3.80	1,189,513	1,145,245	2,061,612
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	0.00%	82.0	-465.65	4.13	153,314	157,249	198,651
DPM	HOSE	379.9	11,132.07	0.00%	29.3	9.33	1.21	331,711	384,786	891,977
HAG	HOSE	789.9	19,194.55	0.00%	24.3	10.37	1.34	3,488,195	3,326,993	3,823,782
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	0.00%	27.5	15.77	1.68	177,222	234,130	415,159
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.00%	19.0	8.91	1.23	224,156	272,886	412,300
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	0.00%	37.8	20.57	2.16	191,587	209,567	254,089
CTG	HOSE	3,723.4	53,244.69	0.00%	14.3	9.74	0.97	125,711	283,960	362,210
GAS	HOSE	1,895.0	188,552.50	0.00%	99.5	16.76	5.47	310,892	278,935	382,923

Công ty quản lý	Royal Bank of Scotland	Ngày lập quỹ	19/09/2011	SLCKVN	9/142
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier Markets Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,336.27	4.01%	82.0	-465.65	4.13	153,314	157,249	198,651
VIC	HOSE	1,454.6	69,818.64	2.27%	48.0	18.00	3.80	1,189,513	1,145,245	2,061,612
PVD	HOSE	303.0	26,364.21	4.39%	87.0	11.38	2.46	383,975	340,410	554,137
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.89%	19.0	8.91	1.23	224,156	272,886	412,300
VCB	HOSE	2,665.0	73,288.06	1.28%	27.5	15.77	1.68	177,222	234,130	415,159
BVH	HOSE	680.5	25,721.82	1.79%	37.8	20.57	2.16	191,587	209,567	254,089

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ	12/09/2012	SLCKVN	6/102
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier 100 Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	MSCI VN Investable Market Indx	Ngày lập chỉ số	01/12/2010	TGTTSQL	4,752.96 mil.

21 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,110	6.9	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,245	9.6	1.6	17.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,048	16.1	1.0	5.5%	2.2%
Sản xuất giấy	919	6.7	1.0	14.0%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,053	13.4	2.0	22.4%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,966	3.6	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,682	91.1	6.1	-3.9%	-3.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,807	14.1	1.5	13.6%	7.4%
Xây dựng	33,290	32.2	1.3	-0.6%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,264	9.8	1.2	15.5%	7.7%
Công nghiệp phức hợp	1,383	9.1	1.5	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,526	8.3	1.0	12.1%	5.7%
Thiết bị điện	2,041	36.2	1.0	2.0%	0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	53	17.4	0.7	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,666	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,670	3.5	1.1	5.4%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,389	9.0	1.6	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,903	7.5	1.6	22.5%	13.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	5,123	12.7	2.1	16.4%	11.0%
Đào tạo & Việc làm	275	14.3	0.8	6.5%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	195	8.9	0.8	11.8%	4.8%
Chất thải & Môi trường	202	3.1	0.9	33.5%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,309	13.8	1.3	14.5%	7.1%
Lốp xe	8,942	11.5	3.0	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,634	7.3	1.3	17.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	324	14.0	2.2	16.6%	10.4%
Đồ uống & giải khát	231	6.5	1.1	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,227	11.2	2.0	21.7%	7.3%
Thực phẩm	190,147	24.2	4.6	18.9%	14.6%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	74	20.9	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,069	8.4	1.5	19.6%	9.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	553	34.9	1.4	4.1%	2.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,802	8.9	1.8	19.8%	7.6%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,289	10.5	2.1	19.0%	9.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	705	10.1	1.1	-0.7%	4.2%

21 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,935	9.0	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	162	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	213	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,811	12.6	2.8	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	295	46.9	1.0	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	782	10.9	1.3	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,250	11.2	1.8	18.1%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,131	9.3	1.0	10.8%	7.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,627	55.2	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,103	20.2	1.5	11.6%	9.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,763	18.6	3.6	23.4%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	795	11.8	1.0	8.9%	3.3%
Internet	385	81.2	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,155	10.3	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	478	14.5	0.8	5.0%	1.9%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,011	34.6	6.6	33.5%	11.3%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,032	10.0	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	200,074	16.4	5.3	32.4%	22.0%
Nước	1,204	6.4	1.1	16.9%	11.4%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,445	8.6	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,960	11.8	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,818	8.8	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,858	20.6	2.2	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,999	36.2	1.0	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	29,490	12.6	1.7	11.2%	7.8%
Ngân hàng					
Ngân hàng	236,779	11.2	1.2	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	172,556	16.9	2.8	18.8%	4.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	48,333	10.9	2.3	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.